

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP Thủy Điện A Vương

Ngày 15/01/2024	<b>57,700 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>13.9%</b>	<b>0.6%</b>	<b>43.5%</b>

**DT thuần**  
Q4/23

**198**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 79.0 | 66.1%  
YoY: ▼ 62.0 | -24.0%

**LN thuần**  
Q4/23

**73.4**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.5 | 41.4%  
YoY: ▼ 71.6 | -49.4%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**66.0**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.3 | 35.6%  
YoY: ▼ 63.0 | -48.8%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**55.5%**

YoY: +/- ▼ 8.3%

**ROE**  
2023

**25.8%**

YoY: +/- ▼ 10.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	29,910 - 62,891
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,331
Số lượng CPLH (CP)	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,855
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.16
EPS	4,628
P/E	12.5

**DT thuần**  
2023

**697**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 307 | -30.6%

**LN thuần**  
2023

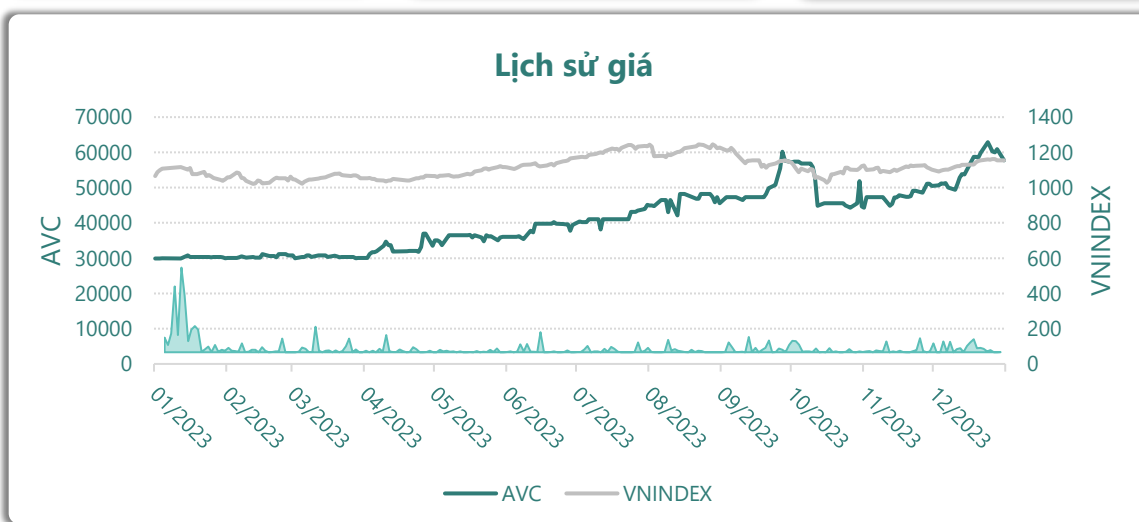
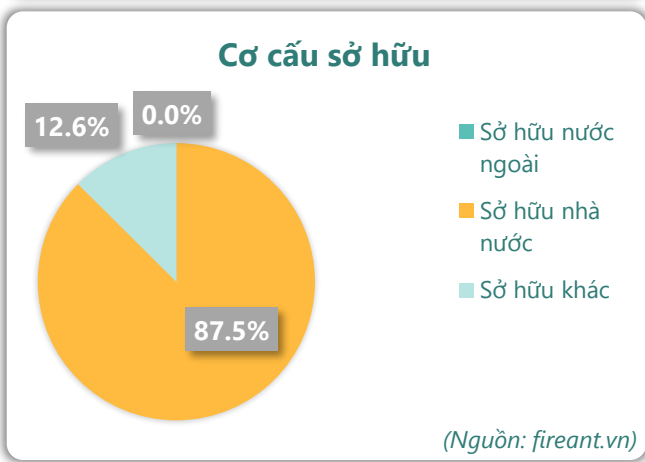
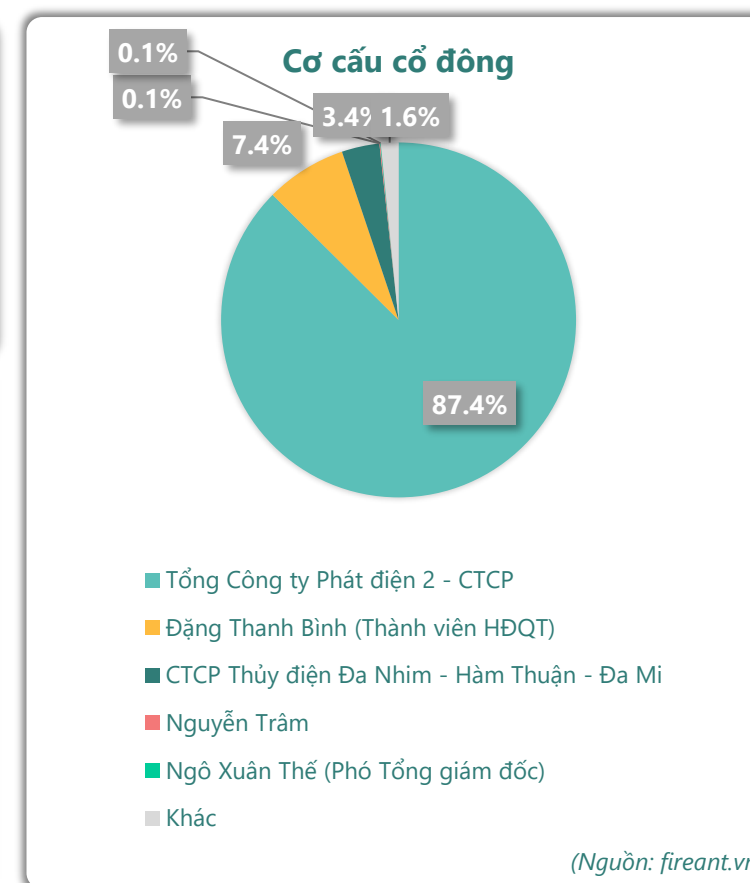
**386**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 254 | -39.6%

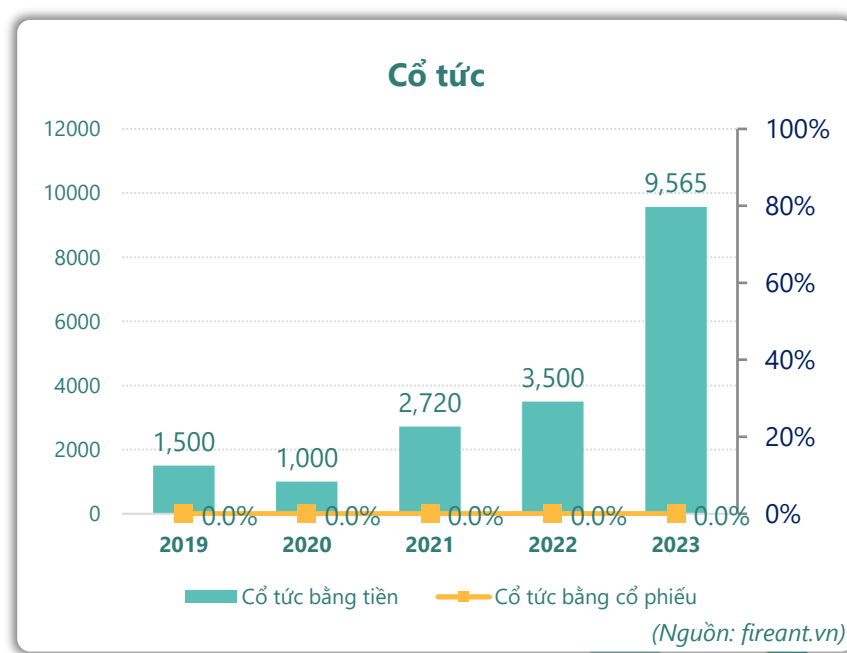
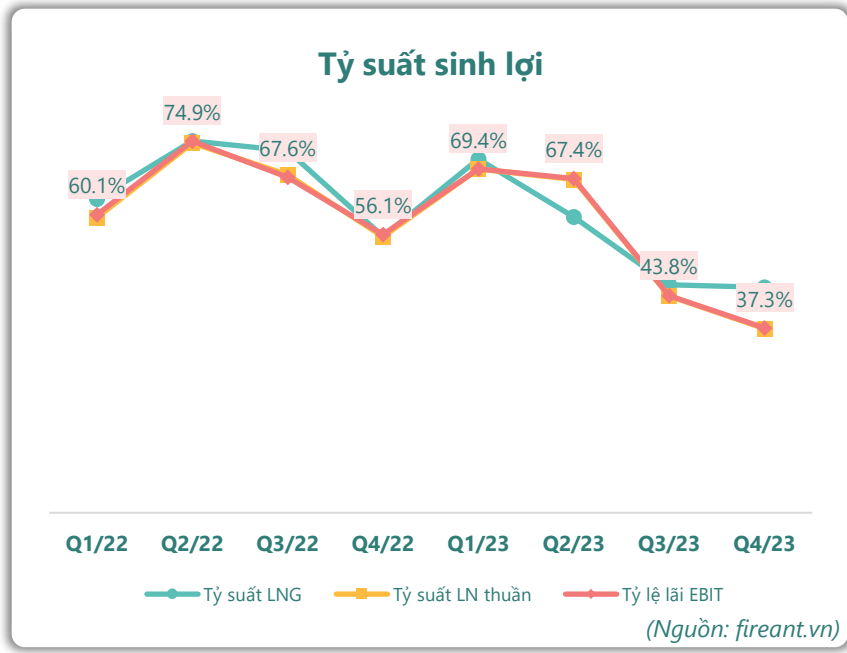
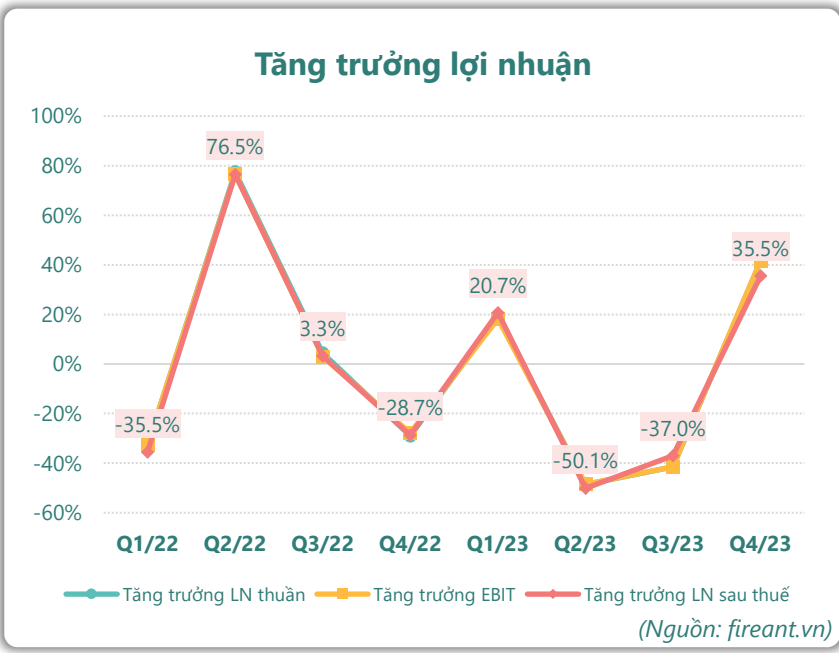
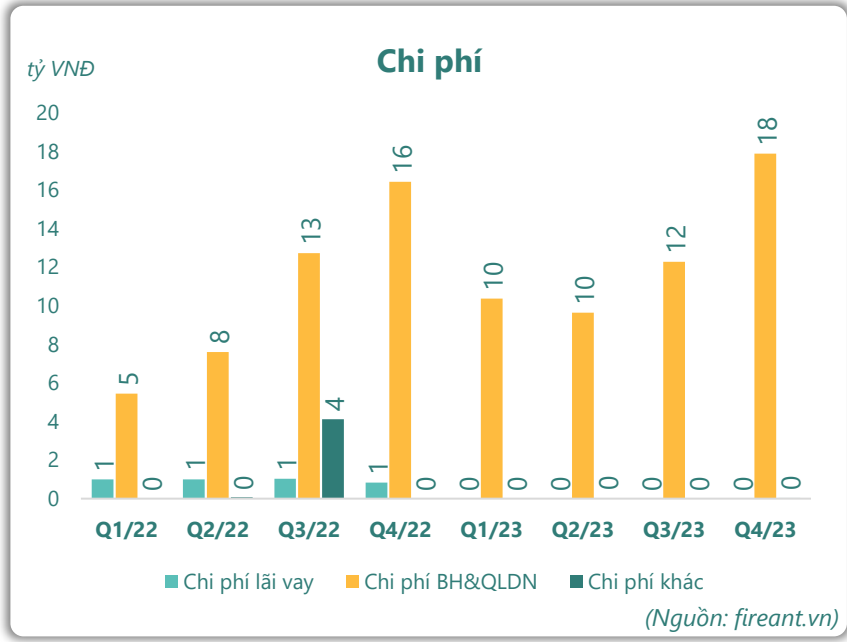
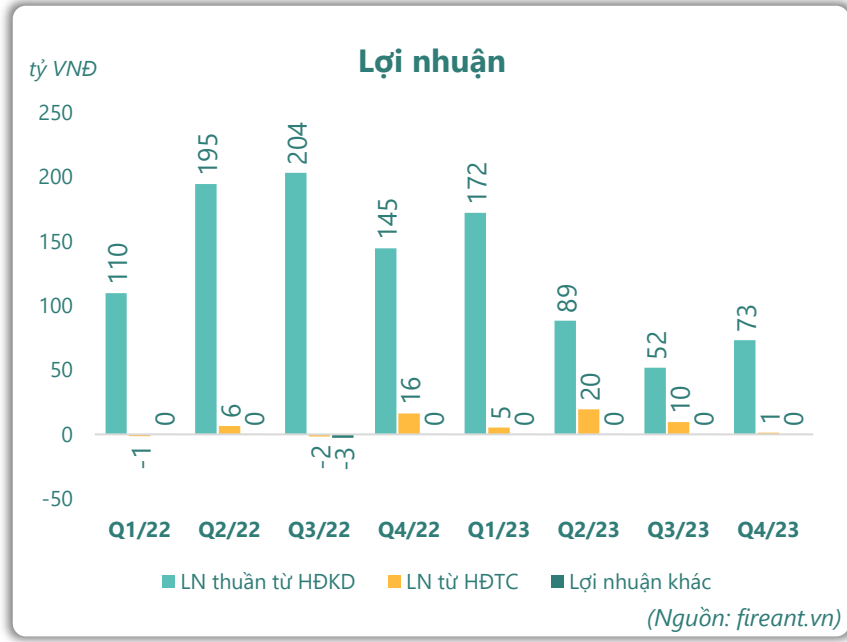
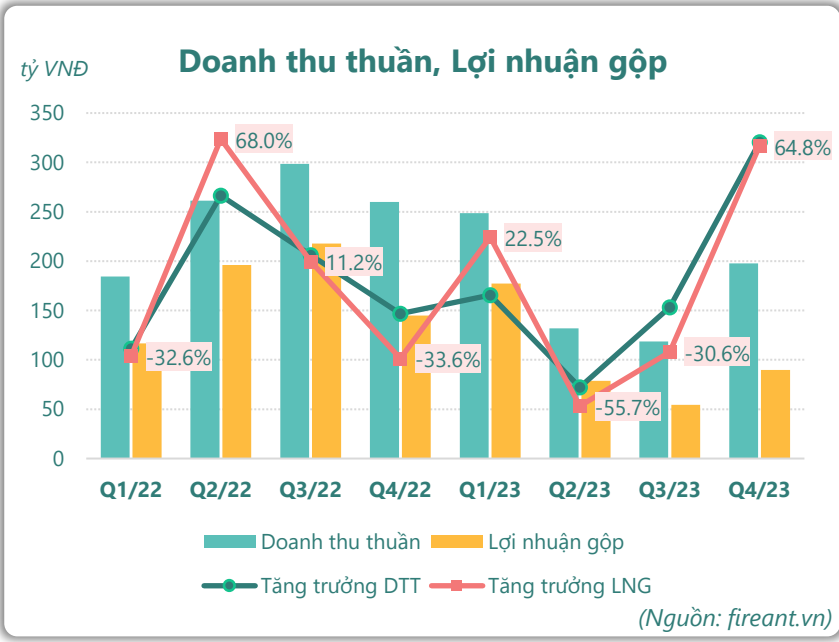
**LN sau thuế**  
2023

**347**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 225 | -39.2%



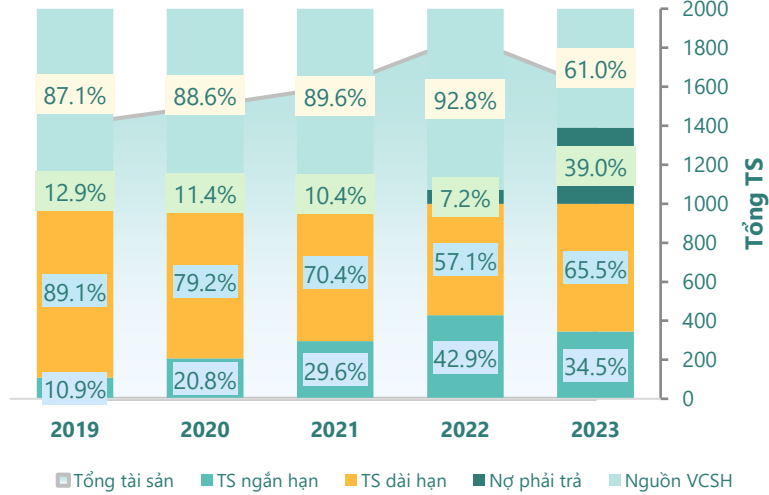
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

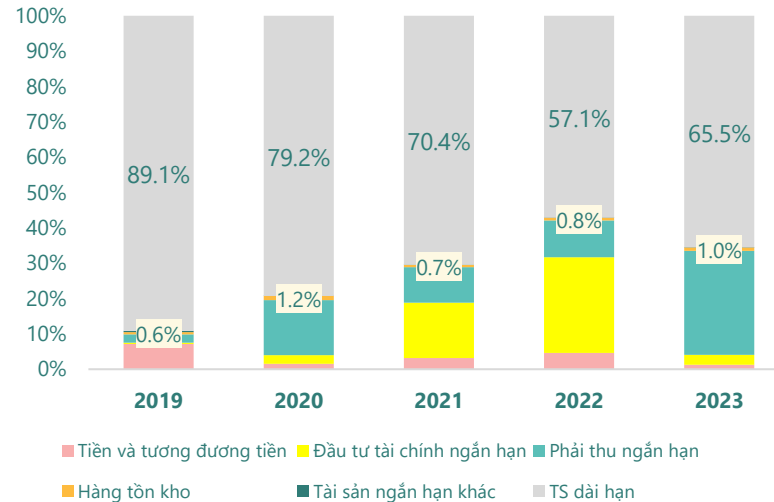
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

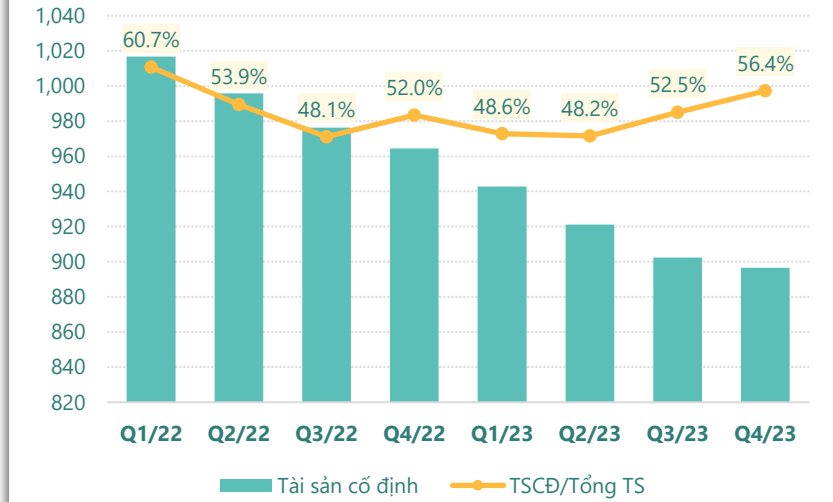
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

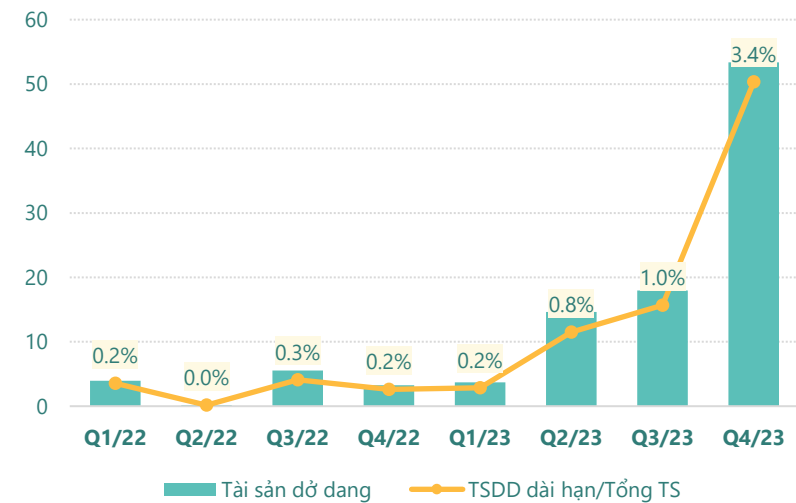
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

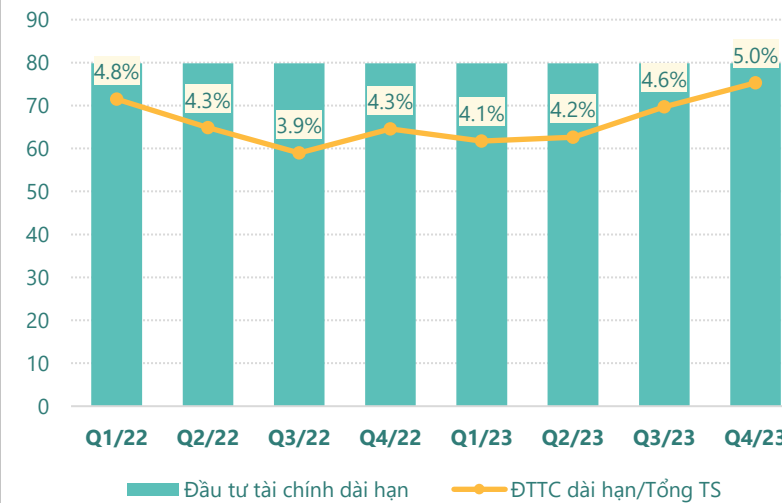
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

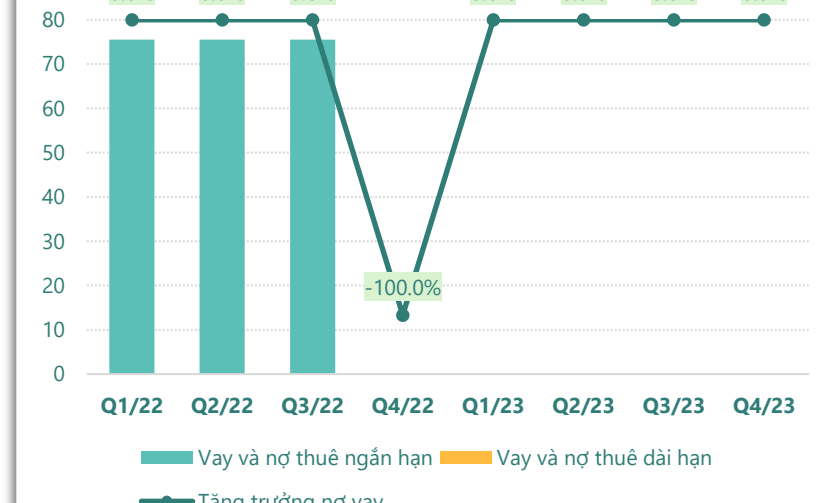
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

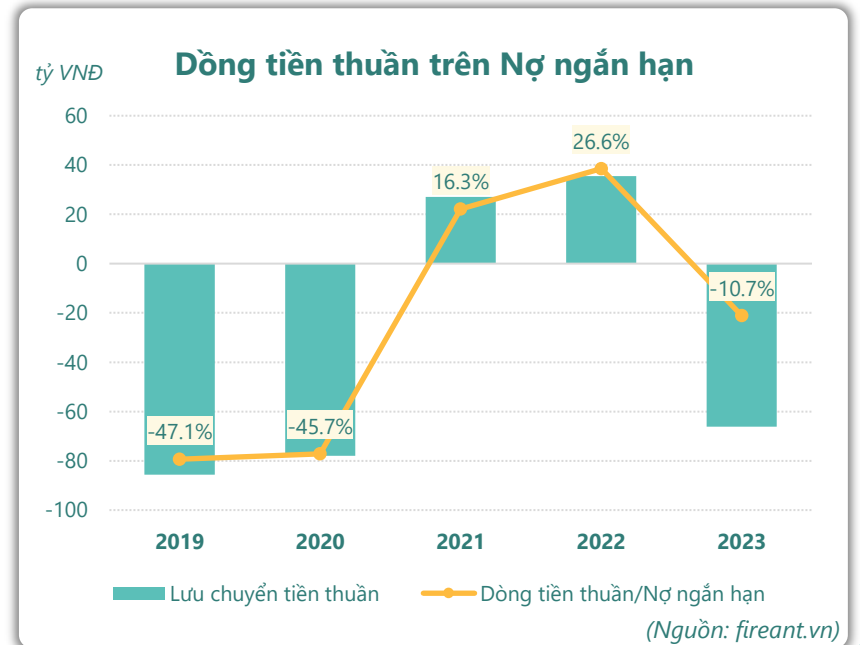
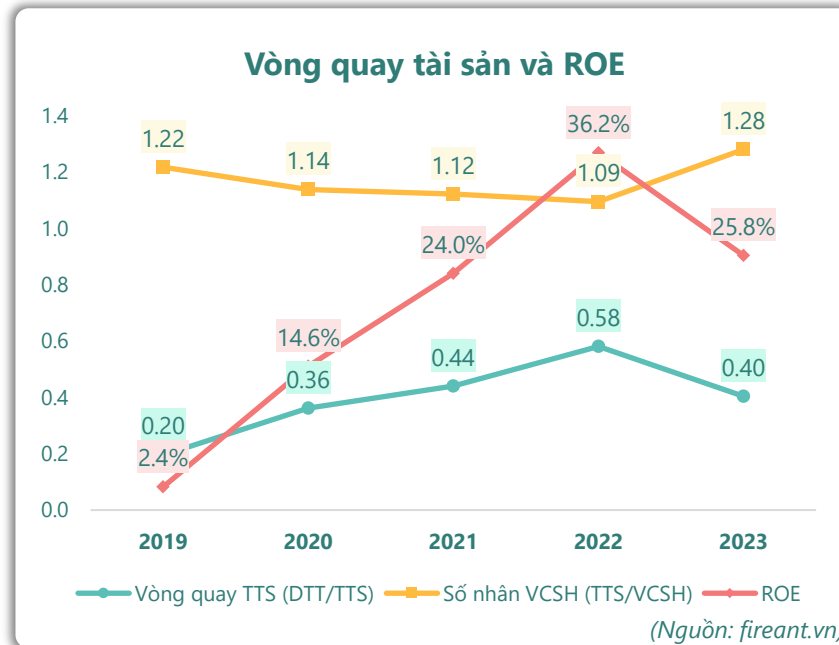
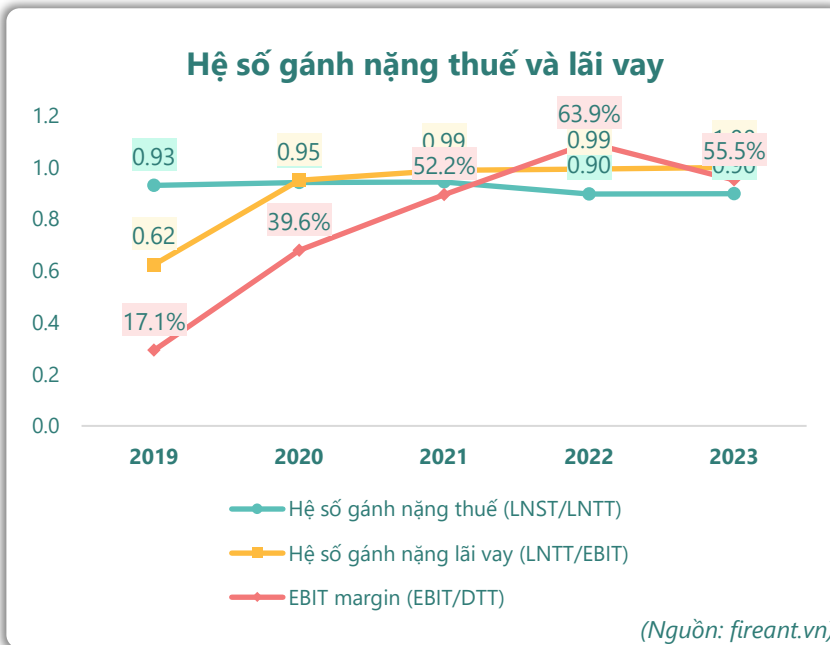
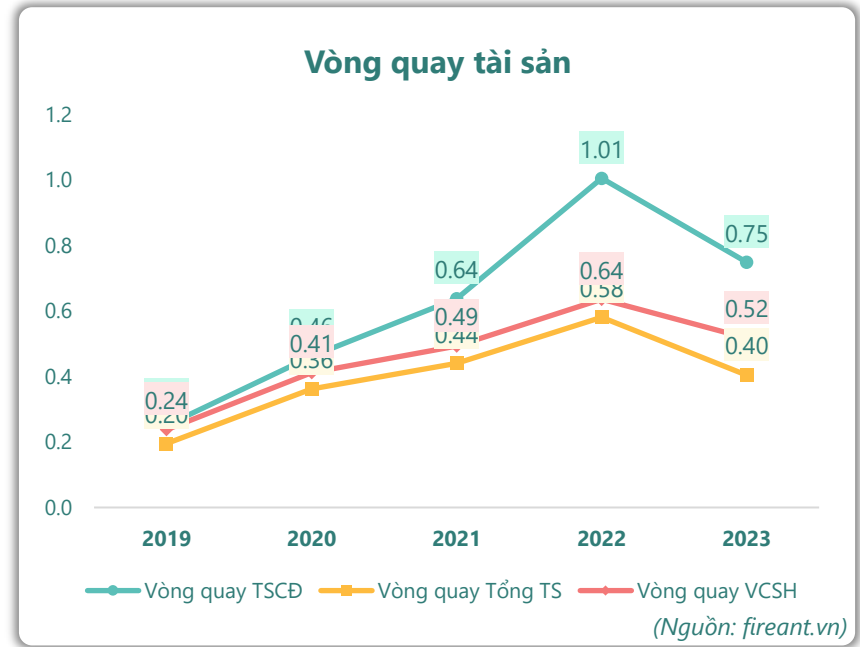
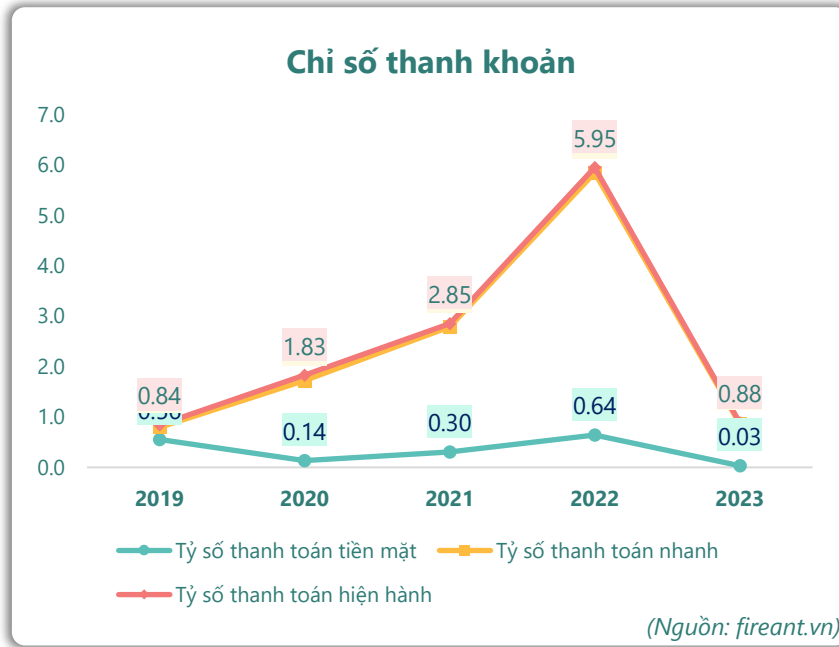
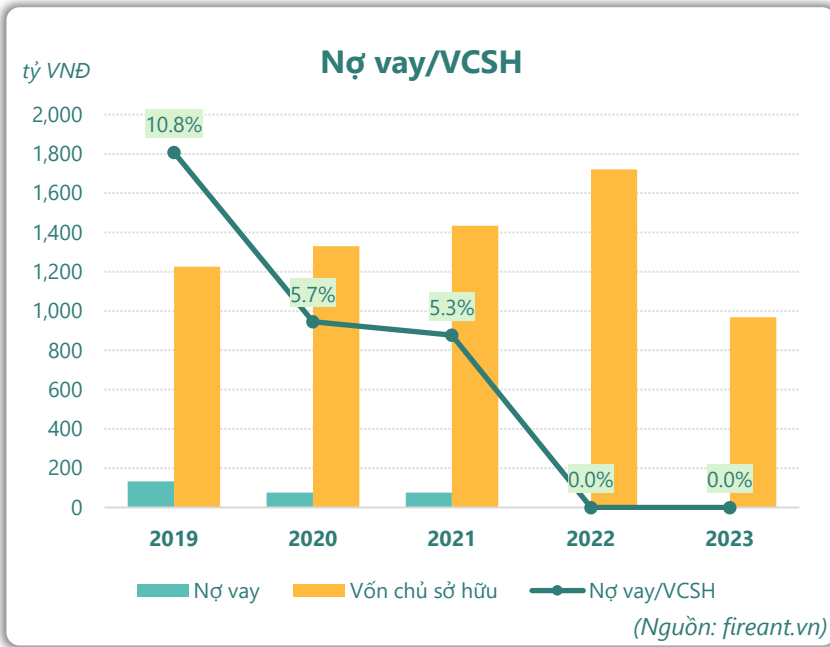
### Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>198</b>	<b>260</b>	<b>-24.0%</b>	<b>697</b>	<b>1,004</b>	<b>-30.6%</b>
Giá vốn hàng bán	108	115	-6.3%	296	334	-11.2%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>89.9</b>	<b>145</b>	<b>-38.0%</b>	<b>400</b>	<b>670</b>	<b>-40.3%</b>
Doanh thu HĐTC	1.42	17.2	-91.7%	36.1	23.6	52.8%
Chi phí TC	0	0.82	-100%	0	3.85	-100%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>0.82</b>	<b>-100%</b>	<b>0</b>	<b>3.85</b>	<b>-100%</b>
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	<b>17.9</b>	<b>16.4</b>	<b>9.2%</b>	<b>50.2</b>	<b>50.3</b>	<b>-0.1%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>73.4</b>	<b>145</b>	<b>-49.4%</b>	<b>386</b>	<b>640</b>	<b>-39.6%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0.30</b>	<b>0.21</b>	<b>43.7%</b>	<b>0.65</b>	<b>-2.36</b>	<b>127%</b>
<b>LN trước thuế</b>	<b>73.7</b>	<b>145</b>	<b>-49.2%</b>	<b>387</b>	<b>637</b>	<b>-39.3%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>66.0</b>	<b>129</b>	<b>-48.8%</b>	<b>347</b>	<b>572</b>	<b>-39.2%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>66.0</b>	<b>129</b>	<b>-48.8%</b>	<b>347</b>	<b>572</b>	<b>-39.2%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	191	-52.8	-195	214	-128	3.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-155	64.1	109	-18.6	209	256
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.06	-74.9	-197	-244
Tiền đầu kỳ	37.7	74.5	85.8	0.50	120	4.11
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>36.8</b>	<b>11.3</b>	<b>-85.3</b>	<b>120</b>	<b>-116</b>	<b>15.5</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.5	85.8	0.50	120	4.11	19.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>1,590</b>	<b>1,855</b>	<b>-14.3%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>549</b>	<b>796</b>	<b>-31.1%</b>
Tiền và tương đương tiền	19.6	85.8	-77.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	502	-91.0%
Phải thu ngắn hạn	468	193	142%
Hàng tồn kho	15.7	14.2	10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.20	-6.8%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1,041</b>	<b>1,060</b>	<b>-1.7%</b>
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	896	964	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.4	3.24	1548%
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	<b>11.7</b>	<b>12.0</b>	<b>-2.8%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>621</b>	<b>134</b>	<b>364%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>621</b>	<b>134</b>	<b>364%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	56.6	17.7	220%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>969</b>	<b>1,721</b>	<b>-43.7%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>969</b>	<b>1,721</b>	<b>-43.7%</b>
Vốn điều lệ	751	751	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)